**NHỮNG QUI ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ THUẾ**

**ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ GIAO DỊCH LIÊN KẾT**

TS. Nguyễn Thị Khánh Vân

Khoa Kế toán – Đại học Duy Tân

Nghị định số 132/2020/NĐ-CP, ban hành ngày 5/11/2020, quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết. Nghị định này đặt ra nguyên tắc, phương pháp, trình tự xác định giá giao dịch liên kết, đồng thời làm rõ quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế trong việc kê khai, xác định giá cũng như trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong công tác quản lý thuế.

**1. Giao dịch liên kết**

Khoản 22 Điều 3 Luật Quản lý thuế 2019 định nghĩa về giao dịch liên kết như sau:

- Giao dịch liên kết là giao dịch giữa các bên có quan hệ liên kết.

Bên cạnh đó, khoản 21 Điều này cũng quy định về các bên có quan hệ liên kết là các bên tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát, góp vốn vào doanh nghiệp; các bên cùng chịu sự điều hành, kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp bởi một tổ chức hoặc cá nhân; các bên cùng có một tổ chức hoặc cá nhân tham gia góp vốn; các doanh nghiệp được điều hành, kiểm soát bởi các cá nhân có mối quan hệ mật thiết trong cùng một gia đình.

**2. Điều kiện ghi nhận giao dịch liên kết**

Theo Nghị định, hai bên được coi là có quan hệ liên kết khi một bên trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào việc điều hành, kiểm soát, góp vốn hoặc đầu tư vào bên kia; hoặc khi cả hai bên cùng chịu sự chi phối của một bên thứ ba.

Để cụ thể hóa quy định về các bên có giao dịch liên kết tại Luật quản lý thuế 2019, Điều 5 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP quy định các bên được xác định là có liên kết nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Một doanh nghiệp nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp ít nhất 25% vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp kia;

- Cả hai doanh nghiệp đều có ít nhất 25% vốn góp của chủ sở hữu do một bên thứ ba nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp;

- Một doanh nghiệp là cổ đông lớn nhất về vốn góp của chủ sở hữu và nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp ít nhất 10% tổng số cổ phần của doanh nghiệp kia;

- Một doanh nghiệp bảo lãnh hoặc cho một doanh nghiệp khác vay vốn dưới bất kỳ hình thức nào (bao gồm cả các khoản vay từ bên thứ ba được đảm bảo từ nguồn tài chính của bên liên kết và các giao dịch tài chính có bản chất tương tự) với điều kiện khoản vốn vay ít nhất bằng 25% vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp đi vay và chiếm trên 50% tổng giá trị các khoản nợ trung và dài hạn của doanh nghiệp đi vay;

- Một doanh nghiệp chỉ định thành viên ban lãnh đạo điều hành hoặc nắm quyền kiểm soát của một doanh nghiệp khác với điều kiện số lượng các thành viên được doanh nghiệp thứ nhất chỉ định chiếm trên 50% tổng số thành viên ban lãnh đạo điều hành hoặc nắm quyền kiểm soát của doanh nghiệp thứ hai; hoặc một thành viên được doanh nghiệp thứ nhất chỉ định có quyền quyết định các chính sách tài chính hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thứ hai;

- Hai doanh nghiệp cùng có trên 50% thành viên ban lãnh đạo hoặc cùng có một thành viên ban lãnh đạo có quyền quyết định các chính sách tài chính hoặc hoạt động kinh doanh được chỉ định bởi một bên thứ ba;

- Hai doanh nghiệp được điều hành hoặc chịu sự kiểm soát về nhân sự, tài chính và hoạt động kinh doanh bởi các cá nhân thuộc một trong các mối quan hệ vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ, anh, chị em cùng cha khác mẹ, anh, chị, em cùng mẹ khác cha, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha; ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột;

- Hai cơ sở kinh doanh có mối quan hệ trụ sở chính và cơ sở thường trú hoặc cùng là cơ sở thường trú của tổ chức, cá nhân nước ngoài;

- Các doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của một cá nhân thông qua vốn góp của cá nhân này vào doanh nghiệp đó hoặc trực tiếp tham gia điều hành doanh nghiệp;

- Các trường hợp khác trong đó doanh nghiệp chịu sự điều hành, kiểm soát, quyết định trên thực tế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp kia;

- Doanh nghiệp có phát sinh các giao dịch nhượng, nhận chuyển nhượng vốn góp ít nhất 25% vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp trong kỳ tính thuế; vay, cho vay ít nhất 10% vốn góp của chủ sở hữu tại thời điểm phát sinh giao dịch trong kỳ tính thuế với cá nhân điều hành, kiểm soát doanh nghiệp.

Người nộp thuế có thể được miễn lập hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết nếu giao dịch chỉ diễn ra với các bên liên kết chịu thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam, cùng áp dụng một mức thuế và không bên nào hưởng ưu đãi thuế. Tuy nhiên, các trường hợp miễn trừ vẫn phải kê khai theo quy định.

**3. Phương pháp xác định giá giao dịch liên kết**

**3.1 Phương pháp so sánh giá giao dịch liên kết với giá giao dịch độc lập**

Theo điều 13, Nghị định số 132/2020/NĐ-CP thì phương pháp này xác định giá của giao dịch liên kết bằng cách so sánh với các giao dịch độc lập có điều kiện tương đồng.

**Nguyên tắc so sánh**:

-So sánh giá của giao dịch liên kết với giá của giao dịch độc lập trên thị trường.

-Các yếu tố so sánh bao gồm: điều kiện hợp đồng, đặc điểm hàng hóa/dịch vụ, điều kiện kinh tế, chức năng của các bên.

**Nguồn thông tin so sánh**:

-Sử dụng dữ liệu từ các giao dịch nội bộ trong doanh nghiệp hoặc dữ liệu từ thị trường bên ngoài.

-Các giao dịch độc lập phải có tính tương đồng cao để đảm bảo tính chính xác.

**Điều chỉnh yếu tố khác biệt**:

Nếu có sự khác biệt giữa giao dịch liên kết và giao dịch độc lập, cần thực hiện điều chỉnh hợp lý để đảm bảo sự tương đồng.

**Áp dụng thực tế**:

-Phương pháp này phù hợp khi có đủ thông tin về các giao dịch độc lập tương đồng.

-Doanh nghiệp cần lưu trữ và cung cấp bằng chứng về các giao dịch so sánh để chứng minh tính hợp lý của giá giao dịch liên kết.

Phương pháp này giúp đảm bảo giá giao dịch liên kết phù hợp với giá thị trường, tránh gian lận thuế và tối ưu hóa nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp

**3.2 Phương pháp so sánh tỷ suất lợi nhuận của người nộp thuế với tỷ suất lợi nhuận của các đối tượng so sánh độc lập**

Theo điều 14 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP, phương pháp này xác định giá giao dịch liên kết bằng cách so sánh tỷ suất lợi nhuận của người nộp thuế với tỷ suất lợi nhuận của các doanh nghiệp độc lập có hoạt động tương đồng.

**Chỉ tiêu so sánh**:

Các chỉ tiêu tài chính phổ biến gồm:

* + Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu
  + Tỷ suất lợi nhuận thuần trên doanh thu, tổng chi phí hoặc tài sản

Các chỉ tiêu này phản ánh mức độ sinh lời từ hoạt động kinh doanh.

N**guồn dữ liệu so sánh**:

Dữ liệu từ các doanh nghiệp độc lập hoạt động trong cùng ngành nghề, thị trường, có điều kiện kinh doanh tương đồng.

Thông tin có thể lấy từ báo cáo tài chính công khai, cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế hoặc nguồn thông tin độc lập đáng tin cậy.

**Điều chỉnh yếu tố khác biệt**:

Nếu có sự khác biệt giữa người nộp thuế và đối tượng so sánh độc lập (về quy mô, rủi ro, chức năng kinh doanh, v.v.), cần điều chỉnh để đảm bảo tính tương đồng.

**Áp dụng thực tế**:

Phương pháp này phù hợp khi không thể tìm thấy giao dịch độc lập tương đương nhưng có thể so sánh dựa trên hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Doanh nghiệp cần lưu trữ hồ sơ chứng minh cơ sở dữ liệu và phương pháp tính toán hợp lý.

Phương pháp này giúp đảm bảo rằng giao dịch liên kết không làm sai lệch kết quả kinh doanh để trốn tránh nghĩa vụ thuế, đồng thời phù hợp với nguyên tắc giá thị trường.

**3.3** **Phương pháp phân bổ lợi nhuận giữa các bên liên kết**

Theo điều 15 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP, phương pháp này xác định giá giao dịch liên kết bằng cách phân bổ lợi nhuận chung của các bên liên kết theo nguyên tắc phù hợp với giá trị đóng góp của từng bên.

**Nguyên tắc phân bổ**:

Dựa trên phân tích chức năng, tài sản, rủi ro của từng bên tham gia giao dịch liên kết.

Lợi nhuận được phân bổ theo mức độ đóng góp vào chuỗi giá trị chung.

**Các bước thực hiện**:

Xác định tổng lợi nhuận tạo ra từ giao dịch liên kết.

Lựa chọn tiêu chí phân bổ hợp lý (doanh thu, chi phí, tài sản sử dụng, v.v.).

Phân chia lợi nhuận theo mức độ tham gia của từng bên vào hoạt động tạo giá trị.

**Nguồn dữ liệu so sánh**:

Thông tin từ các giao dịch độc lập có tính chất tương tự.

Báo cáo tài chính, hồ sơ thuế của các bên liên kết.

**Áp dụng thực tế**:

Thường áp dụng khi các bên liên kết cùng tham gia vào chuỗi giá trị nhưng khó tách biệt từng giao dịch độc lập.

Đặc biệt phù hợp với các tập đoàn đa quốc gia có hoạt động kinh doanh tích hợp.

Các phương pháp này giúp đảm bảo lợi nhuận được phân bổ công bằng giữa các bên liên kết theo nguyên tắc giá thị trường, hạn chế việc chuyển lợi nhuận để tránh thuế.

**4. Chi phí tính thuế và kê khai, xác định giá giao dịch liên kết**

Chương 3 của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP quy định về chi phí tính thuế và kê khai, xác định giá giao dịch liên kết, bao gồm các nội dung chính sau:

**4.1 Chi phí tính thuế trong giao dịch liên kết**

**Nguyên tắc xác định chi phí hợp lý**:

* + Chi phí phát sinh từ giao dịch liên kết phải tuân thủ nguyên tắc giao dịch độc lập và giá thị trường.
  + Các chi phí không hợp lý sẽ bị loại trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN).

**Các khoản chi không được trừ khi tính thuế**:

* + Chi phí trả lãi vay vượt mức khống chế (không quá 30% EBITDA).
  + Chi phí không phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh.
  + Chi phí trả cho các bên liên kết nhưng không có hồ sơ chứng minh giao dịch thực tế.

**4.2 Kê khai và xác định giá giao dịch liên kết**

**Hồ sơ kê khai giá giao dịch liên kết**:

* + Người nộp thuế có giao dịch liên kết phải kê khai vào mẫu 01 theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.
  + Cần xác định phương pháp xác định giá và cung cấp dữ liệu chứng minh giá giao dịch phù hợp với giá thị trường.

**Miễn kê khai và lập hồ sơ xác định giá**:

* + Doanh nghiệp có doanh thu dưới 50 tỷ đồng và tổng giá trị giao dịch liên kết dưới 30 tỷ đồng.
  + Doanh nghiệp chỉ có giao dịch với bên liên kết trong nước và cùng mức thuế suất TNDN.

**Trách nhiệm của người nộp thuế**:

* + Cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan đến giao dịch liên kết khi cơ quan thuế yêu cầu.
  + Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của kê khai.

Những quy định này nhằm kiểm soát việc chuyển giá, đảm bảo doanh nghiệp kê khai đúng nghĩa vụ thuế và tránh gian lận thuế trong giao dịch liên kết.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019

Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ban hành ngày 5/11/2020